

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN CÁI NƯỚC
TỈNH CÀ MAU**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 23/2019/HNGĐ - ST

Ngày 01 - 3 - 2019

V/v Tranh chấp Ly hôn, nuôi con

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CÁI NƯỚC, TỈNH CÀ MAU**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông **Hà Thanh Khiết**

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông **Võ Tấn Liêm**

Ông **Nguyễn Văn Mầm**

- Thư ký phiên tòa: Ông **Hồ Chí Thêm** - Thư ký Tòa án

Trong ngày 01 tháng 3 năm 2019 tại Tòa án nhân dân huyện C xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 579/2018/TLST- HNGĐ ngày 18 tháng 12 năm 2018 về tranh chấp Ly hôn, nuôi con theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 12/2019/QĐXXST-HNGĐ ngày 15 tháng 01 năm 2019 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Ông **Nguyễn Văn Q** – sinh năm 1974 (Có mặt)

Cư trú tại: Ấp L, xã T, huyện C, tỉnh Cà Mau.

- Bị đơn: Bà **Phan Thị K** – sinh năm 1974 (Vắng mặt)

Cư trú tại: Ấp L, xã T, huyện C, tỉnh Cà Mau.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện ngày 12 tháng 12 năm 2018 và tại phiên tòa, ông Nguyễn Văn Q trình bày:

Về hôn nhân: Ông Q và bà Phan Thị K kết hôn vào năm 1992, không có đăng ký kết hôn, thời gian đầu vợ chồng sống rất hạnh phúc. Tuy nhiên, đến năm 2014 thì có phát sinh mâu thuẫn với nhau. Nguyên nhân mâu thuẫn là do vợ chồng bất đồng quan điểm sống nên thường xuyên cự cãi nhau, mâu thuẫn ngày càng trầm trọng. Từ đó vợ chồng sống ly thân cho đến nay. Nay xét thấy tình cảm vợ chồng không còn nên anh yêu cầu được ly hôn với bà Phan Thị K.

Về con chung: Trong quá trình chung sống vợ chồng có ba người con tên Nguyễn Kiều O, sinh ngày 05/01/1996; Nguyễn Vũ K, sinh ngày 05/01/1993;

Nguyễn Yên O1, sinh ngày 21/12/2006. Hiện cháu Nguyễn Kiều O và cháu Nguyễn Vũ K đã trưởng thành nên không yêu cầu Tòa án giải quyết. Khi ly hôn, yêu cầu giao cháu Oanh cho bà K nuôi dưỡng, ông không cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung và nợ chung: Ông Nguyễn Văn Q trình bày không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Đối với bà Phan Thị K. đã được Tòa án triệu tập họp lệ đến lần thứ hai mà vẫn vắng mặt, do đó Tòa án nhân dân huyện C không tiến hành hòa giải được vụ án theo quy định tại khoản 1 Điều 207 Bộ luật tố tụng dân sự. Tòa án nhân dân huyện C căn cứ vào Điều 220 Bộ luật tố tụng dân sự ra Quyết định đưa vụ án ra xét xử theo thủ tục chung và triệu tập bà Phan Thị K. họp lệ đến lần thứ hai để đến Tòa án để tham gia tố tụng tại phiên tòa nhưng bà Phan Thị K. vẫn vắng mặt không lý do và cũng không có bất cứ văn bản nào có ý kiến về yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Văn Q.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa. Tòa án nhận định:

[1] Tranh chấp giữa ông Nguyễn Văn Q và bà Phan Thị K là tranh chấp về Hôn nhân và gia đình về việc Ly hôn thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án theo quy định tại khoản 1 Điều 28 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015. Ông Nguyễn Văn Q và bà Phan Thị K có địa chỉ tại xã T, huyện C, tỉnh Cà Mau. Do đó, Tòa án nhân dân huyện C thụ lý giải quyết là đúng thẩm quyền theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35 và Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

[2] Nhận định của Tòa án về nội dung tranh chấp của vụ án:

Về hôn nhân: Ông Nguyễn Văn Q và bà Phan Thị K chung sống vào năm 1992, không đăng ký kết hôn nên đây là hôn nhân không hợp pháp, không được pháp luật thừa nhận và bảo vệ theo quy định tại khoản 1 Điều 9 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

Theo quy định tại khoản 1 Điều 51 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 thì ông Nguyễn Văn Q có quyền yêu cầu giải quyết việc ly hôn. Yêu cầu của ông Q đã được Tòa án nhân dân huyện C, tỉnh Cà Mau thụ lý giải quyết theo quy định tại Điều 53 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 và pháp luật tố tụng dân sự. Sau khi thụ lý giải quyết vụ án Tòa án nhân dân huyện C, tỉnh Cà Mau tiến hành hòa giải tại Tòa án theo quy định tại Điều 54 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014. Tuy nhiên, bà K đã được triệu tập họp lệ đến lần thứ hai mà vẫn vắng mặt, do đó Tòa án nhân dân huyện C không tiến hành hòa giải được vụ án theo quy định tại khoản 1 Điều 207 Bộ luật tố tụng dân sự. Tòa án nhân dân huyện C căn cứ vào Điều 220 Bộ luật tố tụng dân sự ra Quyết định đưa vụ án ra xét xử theo thủ tục chung và triệu tập bà K họp lệ đến lần thứ hai để đến Tòa án để tham gia tố tụng tại phiên tòa nhưng bà K vẫn vắng mặt không lý do, do đó Tòa án nhân dân huyện C căn cứ vào khoản 2 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự xét xử vắng mặt đối với bà Phan Thị K.

Hội đồng xét xử xét thấy, ông Nguyễn Văn Q và bà Phan Thị K không có đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật vì vậy mối quan hệ hôn nhân giữa ông Q và bà K không có giá trị pháp lý. Tòa án nhân dân huyện C căn cứ vào khoản 2 Điều 53 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014: Tuyên bố không công nhận ông Nguyễn Văn Q và bà Phan Thị K là vợ chồng.

Về con chung: Ông Q trình bày vợ chồng có với nhau được ba người con tên Nguyễn Kiều O, sinh ngày 05/01/1996; Nguyễn Vũ K, sinh ngày 05/01/1993; Nguyễn Yến O1, sinh ngày 21/12/2006. Hiện cháu Nguyễn Kiều O và cháu Nguyễn Vũ K đã trưởng thành nên không yêu cầu Tòa án giải quyết. Do đó, Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

Đối với cháu Nguyễn Yến O1 hiện nay đang sống với bà K. Sau khi ly hôn, anh yêu cầu giao cháu Oanh cho bà K nuôi dưỡng. Xét thấy, bà K không có ý kiến gì về việc ông Q yêu cầu giao cháu O1 cho bà K nuôi dưỡng. Trên thực tế cháu Yến O1 đang sống với bà K và bà K không đến Tòa án để tham gia tố tụng, đồng thời cũng không đưa cháu Yến O1 đến để Tòa án hỏi ý kiến của cháu là có nguyện vọng được sống với ai theo quy định tại khoản 2 Điều 82 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014. Do đó Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của ông Nguyễn Văn Q giao cháu Nguyễn Yến O1 cho bà K nuôi dưỡng, giáo dục đến tuổi thành niên.

Người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

Về vấn đề cấp dưỡng nuôi con: Ông Q không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

- *Về tài sản chung và nợ chung:* Ông Q trình bày không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết. Do đó, Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

Nếu sau này ông Q và bà K có phát sinh tranh chấp về tài sản chung và nợ chung thì ông Q và bà K đều có quyền khởi kiện thành vụ kiện dân sự khác theo quy định pháp luật.

[3] Án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm ông Nguyễn Văn Q phải nộp 300.000 đồng theo quy định tại Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ:

Các điều 28; 35; 39; 147, 227, 266, 271, 273 Bộ luật tố tụng dân sự 2015;
Các điều 9, 14, 51, 53, 54, 56, 57, 58, 81, 82, 83 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014;

Điểm a, khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

[1] Về hôn nhân: Tuyên bố ông Nguyễn Văn Q và bà Phan Thị K không phải là vợ chồng.

[2] Về con chung: Giao cháu Nguyễn Yên O1, sinh ngày 21/12/2006 cho bà Phan Thị K trực tiếp nuôi dưỡng, giáo dục đến tuổi thành niên.

Người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

Về vấn đề cấp dưỡng nuôi con: Ông Q không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

[3] Về án phí Hôn nhân và gia đình sơ thẩm: Ông Nguyễn Văn Q phải chịu án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm số tiền là 300.000 (ba trăm nghìn đồng), được trừ vào số tiền tạm ứng án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm đã nộp là 300.000 (ba trăm nghìn đồng) theo biên lai tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0005018 ngày 18 tháng 12 năm 2018 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Cái Nước, tỉnh Cà Mau. Ông Nguyễn Văn Q đã nộp đủ án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm.

Trường hợp Bản án (Quyết định) được thi hành theo quy định tại điều 2 luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a, 7b và 9 luật Thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 luật thi hành án dân sự.

Án xử sơ thẩm công khai, các đương sự có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án. Bà Phan Thị K vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết công khai.

Nơi nhận:

- Phòng KTNV&THA TAND tỉnh Cà Mau;
- VKSND huyện Cái Nước;
- Chi cục THADS huyện Cái Nước;
- Các đương sự;
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Hà Thanh Khiết